

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2018/HS-ST

Ngày 31 - 7 - 2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân Hậu

2. Bà Chu Thị Hồng Nhật

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Cao Thị Th1; có vợ là N; chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 9 năm 2008 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Trung đoàn 910, trường Sĩ quan Không quân đến tháng 01 năm 2010 xuất ngũ về địa phương, Bản án số 06/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2013

Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 5 năm 2018 đến ngày 03 tháng 6 năm 2018 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (có mặt)

- Người chứng kiến:

1. Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn P, xã A, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

2. Anh Hà Văn B, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn C, xã A, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2018, Nguyễn Xuân T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đen đỏ, biển số 17B4-XXX.XX đi từ nhà ra khu vực đường L thuộc tổ 24, phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Tại đây, T đã gặp và mua của 01 người nam giới khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ, 01 túi ma túy với giá 200.000 đồng. Mua xong, T cầm túi ma túy ở tay trái rồi điều khiển xe máy đi tìm chỗ vắng để sử dụng. Khi T đi đến khu vực đường liên thôn thuộc thôn G, xã A, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thì bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình yêu cầu dừng lại kiểm tra. Trước sự chứng kiến của anh Hà Văn B và ông Hà Văn Đ, T tự giác giao nộp từ lòng bàn tay trái cho tổ công tác 01 túi nilon màu trắng bên trong có 01 gói bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, trong cùng có chứa chất bột màu trắng dạng cục, T khai nhận đó là hêrôin, T vừa mua mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng gửi giám định. Ngoài ra, tổ công tác còn quản lý của Nguyễn Xuân T 01 điện

thoại samsung màu trắng đã cũ, 01 ví giả da màu đen bên trong có 400.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đen đỏ, biển số 17B4-XXX.XX.

Tại kết luận giám định số 174/KLGD-PC54 ngày 28 tháng 5 năm 2018 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định thu của Nguyễn Xuân T là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có khối lượng 0,2066 gam (không phải hai nghìn không trăm sáu mươi sáu gam).

Cáo trạng số 111/CT-VKSTP ngày 09 tháng 7 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Nguyễn Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Nguyễn Xuân T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Xuân T mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy số ma túy niêm phong trong phong bì số 174/KLGD-PC54; trả lại Nguyễn Xuân T số tiền 400.000 đồng, 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại samsung màu trắng (đã cũ) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Xuân T đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Nguyễn Xuân T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Nguyễn Xuân T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận khoảng 07 giờ 45 phút ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại khu vực đường liên thôn thuộc thôn G, xã A, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Xuân T tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại Hêrôin, có khối lượng 0,2066 gam, mục đích sử dụng cho bản thân, bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Hành vi của Nguyễn Xuân T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của nhà nước, ma túy không những gây tác hại cho sức khỏe, phá hoại hạnh phúc của bao gia đình mà còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi trên của Nguyễn Xuân T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì: “1. *Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây,*

thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...; c) Hêrôin, Côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...”

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Nguyễn Xuân T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có thời gian tham gia quân đội, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Nguyễn Xuân T có nhân thân xấu thể hiện năm 2013 đã bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo không tiếp thu sự cải tạo, giáo dục của pháp luật, do vậy cần quyết định mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung, nhất là trong bối cảnh hiện nay tội phạm ma túy có chiều hướng gia tăng và ngày càng phức tạp.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không vì mục đích vụ lợi, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy; số tiền 400.000 đồng, 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại Samsung màu trắng (đã cũ) quản lý của Nguyễn Xuân T, không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[8] Về nguồn gốc số ma túy, Nguyễn Xuân T khai mua của một người nam giới khoảng 30 tuổi không quen biết tại khu vực đường L thuộc Tổ 24, phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đen đỏ, biển số 17B4-XXX.XX, Nguyễn Xuân T sử dụng làm phương tiện để đi mua ma túy, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị N, sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã H, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (vợ bị cáo), ngày 28 tháng 5 năm 2018 chị N không biết T sử dụng xe để đi mua ma túy, ngày 03 tháng 7 năm 2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chị N chiếc xe trên. Xét thấy việc trả tài sản trên là có căn cứ, đúng chủ sở hữu, chị N đã nhận lại tài sản và không có ý kiến đề nghị gì, do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

[10] Bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Bị cáo Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo đối với bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 28 tháng 5 năm 2018).

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Nguyễn Xuân T còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 174/KLGD-PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

3.2. Trả lại bị cáo Nguyễn Xuân T số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng); 01 ví giả da màu đen và 01 điện thoại Samsung màu trắng (đều đã cũ) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Các vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và biên lai thu tiền số 001277, đều đề ngày 09 tháng 7 năm 2018).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31 tháng 7 năm 2018).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân TPTB;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB;
- Cơ quan điều tra và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an TPTB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPTB;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an TB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

